***1/+Đầu năm kết chuyển lời nhuận chưa phân phối:***
Đầu năm tài chính, kết chuyển lợi nhuận chưa phân phối năm nay sang lợi nhuận chưa phân phối năm trước, ghi:
**+ Trường hợp TK 4212 có số dư Có (Lãi), ghi:**
***Nợ TK 4212 - Lợi nhuận chưa phân phối năm nay***
***Có TK 4211 - Lợi nhuận chưa phân phối năm trước.***
***+ Trường hợp TK 4212 có số dư Nợ (Lỗ), ghi:***
***Nợ TK 4211 - Lợi nhuận chưa phân phối năm trước***
***Có TK 4212 - Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.***
- Số lỗ của một năm được xử lý trừ vào lợi nhuận chịu thuế của các năm sau theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc xử lý theo quy định của chính sách tài chính hiện hành.
**2/Xác định chi phí và nghĩa vụ thuế môn bài phải nộp trong năm**
*Mức thuế phải đóng: Kê khai + nộp thuế môn bài*
*Bậc thuế môn bài Vốn đăng ký Mức thuế Môn bài cả năm*
**- Bậc 1:** Trên 10 tỷ = 3.000.000
**- Bậc 2:** Từ 5 tỷ đến 10 tỷ = 2.000.000
**- Bậc 3:** Từ 2 tỷ đến dưới 5 tỷ = 1.500.000
**- Bậc 4:** Dưới 2 tỷ = 1.000.000
Nếu giấy phép rơi vào 01/01 đến 30/06 thì phải đóng 100% đồng
Nếu giấy phép rơi vào 01/07 đến 31/12 bạn được giảm 50% số tiền phải đóng=01/02
**Nghĩa là:**
*+ Doanh nghiệp thành lập trong khoảng thời gian từ ngày 01/01 đến ngày 30/6 thì phải nộp 100% mức thuế môn bài theo quy định ở bảng trên*
*+ Doanh nghiệp thành lập trong khoảng thời gian từ ngày 01/07 đến ngày 31/12 thì phải nộp 50% mức thuế môn bài*
**Thuế môn bài cho các chi nhánh:**
- Các chi nhánh hạch toán phụ thuộc không có vốn đăng ký: **1.000.000đ**
- Các doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập: **2.000.000 đ**
**Lưu ý:**
- Trường hợp Doanh nghiệp có đơn vị trực thuộc (chi nhánh, cửa hàng…) kinh doanh ở cùng địa phương cấp tỉnh thì Doanh nghiệp thực hiện nộp thuế môn bài, tờ khai thuế môn bài (đối với trường hợp có thay đổi mức thuế môn bài) của các đơn vị trực thuộc đó cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp của Doanh nghiệp.
- Trường hợp Doanh nghiệp có đơn vị trực thuộc ở khác địa phương cấp tỉnh nơi Doanh nghiệp có trụ sở chính thì đơn vị trực thuộc thực hiện nộp thuế môn bài, tờ khai thuế môn bài (đối với trường hợp có thay đổi mức thuế môn bài) của đơn vị trực thuộc cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp của đơn vị trực thuộc.
**Thời hạn nộp tờ khai và thuế mô bài:**
- Với Doanh nghiệp mới thành lập thì chậm nhất là 10 ngày kế từ ngày được cấp giấp phép kinh doanh
- Thời hạn nộp Tờ khai thuế môn bài (trường hợp phải nộp tờ khai) và nộp thuế môn bài năm chậm nhất là ngày 30 tháng 01 tài chính hiện hành.
**Hoạch tóan:**
***Nợ TK 6425/Có TK 3338***
**Ngày nộp tiền:**
***Nợ TK 3338/ Có TK 1111***
**3/Công tác tính giá thành:**
- Căn cứ vào hợp đồng dịch vụ sữa chữa bảo dưỡng máy lạnh cho các các hộ dân và công ty = > Khách hàng có nhu cầu Lắp đặt, bảo dưỡng hệ thống máy lạnh => kỹ thật viên, nhân viên kinh doanh/ báo giá và tư vấn thông tin kỹ thuật cho khách/ khách OK : hai bên gặp nhau thương thảo và ký hợp đồng dịch vụ
***Chu kỳ vệ sinh máy lạnh ?***
-*Nhà sản xuất khuyên cáo: Thời gian vệ sinh máy lạnh định kỳ tùy thuộc vào mức độ sử dụng và môi trường bên ngoài.*
-*Đối với ở nhà gia đình việc vệ sinh khoảng từ 3 – 4 tháng/lần*
-*Đối với nhà hàng, công ty việc vệ sinh khoảng 3 tháng/lần.*
-*Đối với nhà máy – xí nghiệp sản xuất việc vệ sinh là khoảng 1tháng/lần.*
***Quy trình bảo trì sạc gas máy lạnh***
-*Nhân viên sẽ kiểm tra tình trạng máy trước khi bảo dưỡng, nếu hư hỏng thì sẽ báo giá sửa máy lạnh.*
-*Tháo vỏ máy dàn lạnh*
-*Vệ sinh thiết bị trao đổi nhiệt*
-*Vệ sinh lưới lọc không khí*
-*Mở vỏ máy dàn nóng*
-*Vệ sinh hệ thống nước ngưng*
-*Nắn cánh tản nhiệt*
-*Tra dầu mở*
-*Lắp vỏ máy*
-*Kiểm tra lương gas hao hụt*
-*Kiểm tra thiết bị điện,phịch cắm điện tiếp xúc,thông mạch*
***Mua bán thương mại:***
*1 Block máy lạnh*
*2.ỐNG ĐỒNG CÁC LOẠI (ỐNG THÁI LAN)*
*3 Dây điện các loại cho máy từ 1.0 hp đến 100 hp*
*4.Mô tơ cục nóng máy lạnh các loại từ 1.0 hp đến 100 hp*
*5. Remote máy lạnh các loại*
*6 Gas sạc máy lạnh (gas 22 và gas 410)*
*7.Eke (giá đỡ) các loại cho máy 1.0 hp đến 100 hp*
*8. Ốc vít, tán nối, lắc kê vv…..*
**Thỏa thuận ký kết hợp đồng:** Các doanh nghiệp, hộ dân có nhu cầu lắp đặt bảo dưỡng thiết bị máy lạnh: công ty, cửa hàng, xí nghiệp,nhà máy khu chế xuất,….với công ty: căn cứ đó, kỹ sư lập dự tóan chi phí, báo giá gửi khách hàng = > sau khi khách hàng nhận được = > phản hồi lại công ty = > xác định được giá trị hợp đồng ký kết, hoặc yêu cầu đặt dịch vụ băng văn bản thỏa thuận khác = > doanh thu thu về và xác định giá trị xuất hóa đơn :
-*Hợp đồng kinh tế ( kèm báo giá hoặc dự tóan chi phí đi kèm được chủ đầu tư chấp thuận)*
-*Biên bản nghiệm thu*
-*Biên bản xác nhận khối lựơng*
-*Bảng quyết tóan khối lựơng và giá trị thanh toán*
-*Hóa đơn GTGT*
-*Thanh lý hợp đồng*
-*Phiếu xác nhận bảo hành*
-*Giấy đề nghi thanh tóan*
**Giá thành:** do đặc điểm ngành nghề nên yếu tố cấu thành giá thành sản phẩm là hoạt động lắp đặt, sữa chữa hệ thống máy lạnh nhà dân dụng, công ty , xí nghiệp…**Giá thành cũng chia làm hai dạng:**
*- Dịch vụ lắp đặt, bảo dưỡng hệ thống máy lạnh dân dụng và công nghiệp*
*Giá thành: là chi phí vật liệu lắp đặt, nhân công và chi phí sản xuất chung*
*- Hoạt động thương mại: mua bán các thiết bị của máy lạnh*
**Do đó ta quy ước việc tính giá thành theo phương pháp ước lựơng các yếu tố cấu thành giá thành sản phẩm: giá thành dịch vụ sữa chữa**
*- Nguên vật liệu: 30%*
*-Lương = 60%*
*-Sản xuất chung=10%*
*-Lợi nhuận định mức hoạt động=15%*
***Ví dụ:****doanh thu = 100.000.000 dịch vụ sữa chữa, lắp đặt*
*Lợi nhận mục tiêu=100.000.000x15%=15.000.000*
*Chi phí cần phân bổ tính giá thành=100.000.000-100.000.000x15%=85.000.000*
-*Lợi nhận mục tiêu=100.000.000x15%=15.000.000 sẽ được cân đối bằng các yếu tố chi phí quản lý doanh nghiệp: khấu hao công cụ, lương nhân viên văn phòng, khấu hao, dịch vụ mua ngoài: điện, internet….*
+Tập hợp chi phí để tính giá thành 154 là : 621, 622,627 , **Phương pháp trực tiếp** (PP giản đơn): Giá thành SP*HoànThành = CPSXKDDD đầu kỳ +Tổng CPSXSP – CPSXDD CKỳ*
**+Chi phí vật liệu*: vật liệu đầu vào là***
*1 Block máy lạnh*
*2.ỐNG ĐỒNG CÁC LOẠI (ỐNG THÁI LAN)*
*3 Dây điện các loại cho máy từ 1.0 hp đến 100 hp*
*4.Mô tơ cục nóng máy lạnh các loại từ 1.0 hp đến 100 hp*
*5. Remote máy lạnh các loại*
*6 Gas sạc máy lạnh (gas 22 và gas 410)*
*7.Eke (giá đỡ) các loại cho máy 1.0 hp đến 100 hp*
*8. Ốc vít, tán nối, lắc kê vv…..*
**+*Hóa đơn mua vào (đầu vào) liên đỏ < 20 triệu nếu thanh toán bằng tiền mặt*** : phải kẹp với phiếu chi + phiếu nhập kho + biên bản giao hàng hoặc phiếu xuất kho bên bán + Giấy đề nghị thanh toán kèm theo hợp đồng phô tô, thanh lý phô tô nếu có.
***+Hóa đơn mua vào (đầu vào) >20 triệu****:* phải kẹp với phiếu kế toán (hay phiếu hoạch toán) + phiếu nhập kho or biên bản giao hàng hoặc phiếu xuất kho bên bán + Giấy đề nghị chuyển khoản kèm theo hợp đồng phô tô, thanh lý phô tô nếu có. .=> sau này chuyển tiền kẹp thêm : - Khi chuyển tiền trả khách hàng: Giấy báo Nợ + Khi chuyển khoản đi : Ủy nhiệm chi
**+Vật liệu Qua kho:**

***Nợ TK 152
Nợ TK 1331
Có TK 111, 112, 331***
**Gía nhập kho nguyên vật liệu:**
***+Giá gốc của nguyên liệu, vật liệu mua ngoài, bao gồm = Giá mua ghi trên hoá đơn, thuế nhập khẩu phải nộp, thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu phải nộp (nếu có) + chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản, phân loại, bảo hiểm,. . . nguyên liệu, vật liệu từ nơi mua về đến kho của doanh nghiệp, công tác phí của cán bộ thu mua, chi phí của bộ phận thu mua độc lập, các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc thu mua nguyên vật liệu và số hao hụt tự nhiên trong định mức (nếu có):***
***- Trường hợp doanh nghiệp mua nguyên liệu, vật liệu dùng vào sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ thì giá trị của nguyên liệu, vật liệu mua vào được phản ánh theo giá mua chưa có thuế GTGT. Thuế GTGT đầu vào khi mua nguyên liệu, vật liệu và thuế GTGT đầu vào của dịch vụ vận chuyển, bốc xếp, bảo quản, chi phí gia công,. . . được khấu trừ và hạch toán vào Tài khoản 133 “Thuế GTGT được khấu trừ” (1331).***
***- Khi xuất kho sử dụng sữa chữa xe thì làm phiếu xuất kho phiếu xuất kho này dùng kẹp các chứng từ sau này***
**+*Hóa đơn bán ra liên xanh < 20 triệu mà thu băng tiền mặt:*** phải kẹp theo Phiếu thu + đồng thời kẹp thêm phiếu xuất kho or biên bản giao hàng ( thương mại) hoặc kẹp biên bản nghiệm thu ( xây dựng) phô tô + biên bản xác nhận khối lượng phô tô + bảng quyết toán khối lượng phô tô nếu có, kẹp theo hợp đồng phô tô và thanh lý phô tô nếu có.
**+*Hóa đơn bán ra liên xanh > 20 triệu* :** phải kẹp theo phiếu kế toán (hay phiếu hoạch toán) + đồng thời kẹp thêm phiếu xuất kho or biên bản giao hàng ( thương mại) hoặc kẹp biên bản nghiệm thu ( xây dựng) phô tô + biên bản xác nhận khối lượng phô tô + bảng quyết toán khối lượng nếu có, kẹp theo hợp đồng phô tô và thanh lý phô tô nếu có.=> sau này nhận được tiền kẹp thêm :
- Khi khách hàng chuyển vào TK của cty : Giấy báo có
+**Xuất thẳng cho sữa chữa không qua kho:**
***Nợ TK 621
Có TK 152***
**+Nếu bán cho khách hàng ko thuộc dịch vụ sữa chữa khi khách hàng có nhu cầu:**
***Nợ TK 632 : giá vốn
Có TK 152***
**Do đó ta quy ước việc tính gía bán theo phương pháp quy ước phần % chênh lệch:**
*-Lợi nhuận định mức hoạt động buôn tùy theo cách tính giá****cost****để bán ra phù hợp tại khu vực, thị phần nơi doanh nghiệp đóng trụ sở, việc đặt****cost****cao = > lợi nhuận giảm, đặt****cost****thấp = > lợi nhuận tăng => doanh nghiệp phải nghiên cứu kỹ việc định giá bán ra và tính****cost****phù hợp, tránh bán giá cao ko có khách hoặc quá thấp = > lỗ ko đủ trang trải các chi phí thuê mặt bằng, điện nước, lương nhân viên*
***Ví dụ:****Giá vốn nhập vào là****Docket làm mát máy MECA (3 quạt )= 40.000***
*= > Công ty đặt****cost****giá vốn lợi nhuận là 70% doanh thu bán ra*
*Công thức tính giá bán =****40.000\*100%/70% = 40.000/0.7= 57.143~58.000***
-*Lợi nhận mục tiêu=****58.000-40.000=18.000****sẽ được cân đối bằng các yếu tố chi phí quản lý doanh nghiệp: khấu hao công cụ, lương nhân viên văn phòng, khấu hao, dịch vụ mua ngoài: điện, internet….*

**Các phương pháp tính giá xuất kho: doanh nghiệp chọn một trong 4 phương pháp tính giá xuất kho ổn định chu kỳ hoạt động trong năm tài chính nghĩa là trong một năm tài chính doanh nghiệp ko được sử dụng > 2 trong 4 phương pháp xuất kho để tính giá gốc sau:**
**1. Phương pháp giá thực tế đích danh**Theo phương pháp này sản phẩm, vật tư, hàng hoá xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính.**2. Phương pháp giá bình quân**Theo phương pháp này giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ.*a) Theo giá bình quân gia quyền cuối kỳ (tháng)*Theo phương pháp này, đến cuối kỳ mới tính trị giá vốn của hàng xuất kho trong kỳ.
*Đơn giá xuất kho bình quân trong kỳ của một loại sản phẩm = (Giá trị hàng tồn đầu kỳ + Giá trị hàng nhập trong kỳ) / (Số lượng hàng tồn đầu kỳ + Số lượng hàng nhập trong kỳ)* *b) Theo giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (bình quân thời điểm)*Sau mỗi lần nhập sản phẩm, vật tư, hàng hoá, kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và giá đơn vị bình quân. Giá đơn vị bình quân được tính theo công thức sau:Đơn giá xuất kho lần thứ i = (Trị giá vật tư hàng hóa tồn đầu kỳ + Trị giá vật tư hàng hóa nhập trước lần xuất thứ i)/(Số lượng vật tư hàng hóa tồn đầu kỳ + Số lượng vật tư hàng hóa nhập trước lần xuất thứ i)**3. Phương pháp FIFO (nhập trước xuất trước)**Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước và giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập trước hoặc sản xuất trước và thực hiện tuần tự cho đến khi chúng được xuất ra hết.**4. Phương pháp LIFO (nhập sau xuất trước)**Phương pháp này giả định là hàng được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là những hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ.
**= > Thông thường các doanh nghiệp chọn phương pháp bình quân gia quyền dễ sử dụng**

**+Nhân công:**lương cho nhân viên lắp đặt, lương nhân viên trực tiếp đi lắp đặt, sữa chữa cho khách hàng được theo dõi hàng ngày và chấm công, đối với trường hợp ko thể theo dõi có thể phân bổ theo các tiêu chí thích hợp => Chi phí nhân công chiếm **60%** yếu tố giá thành sản phẩm dịch vụ công ty bạn cung cấp.
***-Chi phí: Nợ TK 622,627,6421/ có TK 334***
***-Chi trả: Nợ TK 334/ có TK 111,112***

**Bảng** – *Tỷ lệ các khoản trích theo lương* áp dụng giai đoạn từ **2021**


**Trích bảo hiểm các loại theo quy định (tính vào chi phí) 23% lương đóng bảo hiểm (BHXH 17,5%, BHYT 3%, BHTN 1%, BHCĐ 2%)**

***Nợ TK 6421,6411***

***Có TK 3382 (BHCĐ 2%)***

***Có TK 3383 (BHXH 17.5%)***

***Có TK 3384 (BHYT 3%)***

***Có TK 3389 (BHTN 1%)***

**Trích bảo hiểm các loại theo quy định và tiền lương của người lao động**

                      ***Nợ TK 334 (10,5%)***

***Có TK 3383 (BHXH 8%)***

***Có TK 3384 (BHYT 1,5%)***

***Có TK 3389 (BHTN1%)***

**Nộp các khoản bảo hiểm theo quy định**

                        ***Nợ TK 3382 (BHCĐ 2%)***

***Nợ TK 3383 (BHXH 25.5%)***

***Nợ TK 3384 (BHYT 4,5%)***

            ***Nợ TK 3389 (BHTN 2%)***

***Có TK 112 (34%)***

***Tính thuế thu nhập cá nhân (nếu có)*** ***Nợ TK 334 Thuế TNCN***
***Có TK 3335***

***Để là chi phí hợp lý được trừ và xuất toán khi tính thuế TNDN bạn phải có đầy đủ các thủ tục sau***
***+ Hợp đồng lao động+CMTND phô tô kẹp vào***
***+ Bảng chấm công hàng tháng***
***+ Bảng lương đi kèm bảng chấm công tháng đó***
***+ Phiếu chi thanh toán lương, hoặc chứng từ ngân hàng nếu doanh nghiệp thanh toán bằng tiền gửi***
***+ Tất cả có ký tá đầy đủ***
***+Đăng ký mã số thuế cho công nhân để cuối năm làm quyết tóan thuế TNCN cho họ***
***= > thiếu 1 trong các cái trên cơ quan thuế sẽ loại trừ ra vì cho rằng bạn đang đưa chi phí khống vào, và bị xuất toán khi quyết toán thuế TNDN***
+**Hàng tháng:** Phiếu chi tiền lương or bảng kê tiền lương chuyển khoản cho nhân viên, chứng từ ngân hàng + Bảng lương + Bảng chấm công + Tạm ứng, thưởng, tăng ca thêm giờ nếu có ....=> gói lại một cục
**+ Tạm ứng:**
- Dự toán chi đã được Kế toán trưởng - BGH ký duyệt
-Giấy đề nghị tạm ứng.
- Phiếu chi tiền
***Nợ TK 141/ có TK 111,112***
**+Hoàn ứng:**
-Bảng thanh toán tạm ứng (Kèm theo chứng từ gốc) Bạn thu hóa đơn (nếu ứng tiền mua hàn, tiền phòng,...công tác,...) chứng từ có liên quan đến việc chi số tiền ứng trên => Số tiền còn thừa thì hoàn ứng, nếu thiếu tiền thì chi thêm.
***Nợ TK 111,112/ có TK 141***
**Chú ý:**
**-Nếu ký hợp đồng dứơi 3 tháng dính vào vòng luẩn quẩn của thuế TNCN để tránh chỉ có các lập bảng kê 23 để tạm không khấu trừ 10% của họ**
**-Nhưng ký > 3 tháng lại rơi vào ma trận của BHXH**
**Căn cứ Tiết khoản i, Điểm 1, Điều 25, Chương IV Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân có hiệu lực từ 01/7/2013 quy định**

***“Các tổ chức, cá nhân trả tiền công, tiền thù lao, tiền chi khác cho cá nhân cư trú không ký hợp đồng lao động (theo hướng dẫn tại điểm c, d, khoản 2, Điều 2 Thông tư này) hoặc ký hợp đồng lao động dưới ba (03) tháng có tổng mức trả thu nhập từ hai triệu (2.000.000) đồng/lần trở lên thì phải khấu trừ thuế theo mức 10% trên thu nhập trước khi trả cho cá nhân.”***

**+ Chi chi phí sản xuất chung:** để phục vụ công tác sửa chữa phải trang bị cho nhân viên vật dụng và đồ dùng phục vụ việc sửa chữa cung cấp và trang bị cho nhân viên*:*
-*Máy hút chân không*
-*Máy đo nhiệt độ*
-*Đồng hồ sạc gas*
-*Kìm bấm ống*
-*Máy dò gas*
-*Bộ lã ống đồng*
-*Dây sạc gas*
-*Đồng hồ đo gas đơn*
-*Cần uốn ống*
-*Đồng hồ vạn năng (VOM)*
-*Dao cắt ống đồng*
-*Bạc hàn*
-*kinh xem gas 1*
-*Đồng lồ am pe*
-*Máy bơm áp lực*

*…..quần áo vật dụng giày dép, găng tay… cho những lao động và nhân viên trực tiếp được điều hành cung ứng dịch vụ cho khách hàng,* những thứ này phân bổ trên tài khoản 142,242 vào các hợp đồng dịch vụ bên công ty bạn cung cấp khách hàng
**Nếu là công cụ:**
***Nợ TK 153,1331/ Có TK 111,112,331***
**Đừa vào sử dụng:**
***Nợ TK 142,242/ Có TK 153***
**Phân bổ:**
***Nợ TK 627/ Có TK 142,242***
**Hóa đơn đầu vào:**
***+Hóa đơn mua vào (đầu vào) liên đỏ < 20 triệu nếu thanh toán bằng tiền mặt****: phải kẹp với phiếu chi + phiếu nhập kho + biên bản giao hàng hoặc phiếu xuất kho bên bán + Giấy đề nghị thanh toán kèm theo hợp đồng phô tô, thanh lý phô tô nếu có.*
***+Hóa đơn mua vào (đầu vào) >20 triệu****: phải kẹp với phiếu kế toán (hay phiếu hoạch toán) + phiếu nhập kho or biên bản giao hàng hoặc phiếu xuất kho bên bán + Giấy đề nghị chuyển khoản kèm theo hợp đồng phô tô, thanh lý phô tô nếu có. .=> sau này chuyển tiền kẹp thêm : - Khi chuyển tiền trả khách hàng: Giấy báo Nợ + Khi chuyển khoản đi : Ủy nhiệm chi*
**Nếu là dịch vụ:**
***Nợ TK 627,1331***
***Có TK 111,112,331…***
**=> Hàng kỳ kết chuyển chi phí dỡ dang để tính giá thành dịch vụ**
***Nợ TK 154/ Có TK 622,627***

**Đối với CCDC, TSCĐ thì phải có Bảng theo dõi phân bổ , và phân bổ vào cuối hàng tháng**
**+Kết thúc hòan thành dịch vụ theo hợp đồng hoặc đơn đặt hàng, phiếu đặt hàng….**
**-Xuất hóa đơn hoạch tóan doanh thu:**
***Nợ TK 111,112,131/ TK có 511,33311***
**-Đồng thời xác định giá vốn dịch vụ:**
***Nợ TK 632/ có TK 154***
**Hóa đơn đầu ra:**
**+Hóa đơn bán ra liên xanh < 20 triệu mà thu băng tiền mặt:** phải kẹp theo Phiếu thu + đồng thời kẹp thêm phiếu xuất kho or biên bản giao hàng ( thương mại) hoặc kẹp biên bản nghiệm thu (xây dựng) phô tô + biên bản xác nhận khối lượng phô tô (xây dựng) + bảng quyết toán khối lượng phô tô nếu có, kẹp theo hợp đồng phô tô và thanh lý phô tô nếu có.
**+Hóa đơn bán ra liên xanh > 20 triệu :** phải kẹp theo phiếu kế toán (hay phiếu hoạch toán) + đồng thời kẹp thêm phiếu xuất kho or biên bản giao hàng ( thương mại) hoặc kẹp biên bản nghiệm thu (xây dựng) phô tô + biên bản xác nhận khối lượng phô tô + bảng quyết toán khối lượng nếu có, kẹp theo hợp đồng phô tô và thanh lý phô tô nếu có.=> sau này nhận được tiền kẹp thêm : - Khi khách hàng chuyển vào TK của cty : Giấy báo có

**+Ngoài ra còn các chi phí như tiếp khách:** hóa đơn ăn uống phải bill hoặc bảng kê đi kèm, quản lý: lương nhân viên quản lý, kế tóan....chi phí giấy bút, văn phòng phẩm các loại, khấu hao thiết bị văn phòng: bàn ghế, máy tính...... ko cho vào giá vốn được thì để ở chi phí quản lý doanh nghiệp sau này tính lãi lỗ của doanh nghiệp
**Nếu là dịch vụ:**
***Nợ TK 642\*,1331***
***Có TK 111,112,331…***
**Nếu là công cụ, tài sản cố định:**
***Nợ TK 153, 211,1331/ có TK 111,112,331***
**Đừa vào sử dụng:**
***Nợ TK 142,242/ có TK 153***
**Phân bổ:**
***Nợ TK 642\*/ có TK 142,242,214***
Đối với CCDC, TSCĐ thì phải có Bảng theo dõi phân bổ , và phân bổ vào cuối hàng tháng
**+ Chứng từ ngân hàng:** cuối tháng ra ngân hàng : lấy sổ phụ, sao kê chi tiết, UNC, Giấy báo nợ, Giấy báo có về lưu trữ và làm căn cứ lên sổ sách kế toán
***-Lãi ngân hàng: Nợ TK 112/ Có TK 515***
***-Phí ngân hàng: Nợ TK 6425/ Có TK 112***
***Nợ TK 627,642/ có TK 142,242,214***
Đối với CCDC, TSCĐ thì phải có Bảng theo dõi phân bổ , và phân bổ vào cuối hàng tháng
**+ Cuối hàng tháng xác định lãi lỗ doanh nghiệp: 4212
Bước 1:** Xác định Doanh thu trong tháng:
***Nợ TK 511,515,711/ Có TK 911***
**Bước 2:** Xác định Chi phí trong tháng :
***Nợ TK 911/ có TK 632,641,642,635,811***
**Bước 3: Xác định lãi lỗ tháng:** Lấy Doanh thu – chi phí > 0 hoặc Tổng Phát sinh Có 911 – Tổng phát sinh Nợ 911 > 0
***Lãi: Nợ TK 911/ có TK 4212***
Lấy Doanh thu – chi phí < 0 hoặc Tổng Phát sinh Có **TK** 911 – Tổng phát sinh Nợ **TK** 911 < 0
***Lỗ: Nợ TK 4212/ có TK 911***
**Cuối các quý , năm xác định chi phí thuế TNDN Phải nộp:**
***Nợ TK 8211/ có TK 3334***
***Kết chuyển:***
***Nợ TK 911/ có TK 8211***
***Nộp thuế TNDN:***
***Nợ TK 3334/ có TK 1111,112***